TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TC** TỈNH AG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/06/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trường Vũ và ông Nguyễn Thành Lil.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Phước Tín, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 15/TB-TA ngày 05 tháng 05 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 17/TB-TA ngày 23 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp Hòa Trung, xã TH, thành phố HN, tỉnh ĐT, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ 12, ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày: Chị Tr và anh Hồ Văn Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106 ngày 15/09/2020. Sau khi kết hôn, chị Tr và anh Đ đi làm ở Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 25/12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thích ăn nhậu nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Tr

và anh Đ sống xa nhau từ ngày 07/04/2021 cho đến nay. Gia đình hai bên đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Xét, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành thu thập xác minh chứng cứ: Xác minh (ghi lời khai) của bà Thái Thị S (mẹ ruột của anh Hồ Văn Đ) về mối quan hệ hôn nhân và gia đình, nuôi con chung của chị Tr và anh Đ cụ thể:

Bà Thái Thị S (mẹ ruột của anh Hồ Văn Đ) cung cấp: Bà S là mẹ ruột của Hồ Văn Đ , Đ và Tr tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, Tr và Đ sinh sống chủ yếu ở Bình Dương. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, tình cảm, Đ hay uống rượu Tr nói không nghe. Tr và Đ sống xa nhau từ tháng 04/2021 đến nay. Nhiều lần bà S có gọi điện cho anh Đ kêu hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ không chịu vì không hàn gắn tình cảm được. Về con chung, Đ và Tr không có con chung.

Tại phiên tòa, chị Tr kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về giải quyết vụ án, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xét hỏi tại phiên tòa nhận thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Hồ Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị Tr và anh Đ đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh Hồ Văn Đ của chị Nguyễn Thị Thu Tr.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại tổ 12, ấp 2, xã VX, thị xã TTC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Hồ Văn Đ được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106 ngày 15/09/2020 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Tr khai, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ ngày 25/12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Tr và anh Đ sống xa nhau từ ngày 07/04/2021, gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. Chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Đ do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo biên bản xác minh bà Thái Thị S (mẹ ruột của anh Đ): Sau khi kết hôn, Tr và Đ sinh sống chủ yếu ở Bình Dương. Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, tình cảm, Đ hay uống rượu Tr nói không nghe. Tr và Đ sống xa nhau từ tháng 04/2021 đến nay. Nhiều lần bà S có gọi điện cho anh Đ kêu hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ không chịu vì không hàn gắn tình cảm được.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Tr và anh Đ hàn gắn tình cảm, nhưng anh Đ vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Tr và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Tr ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Tr khai, trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; *Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr.

Chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với anh Hồ Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106 do Uỷ ban nhân dân xã VX, thị xã TTC, tỉnh AG cấp ngày 15/09/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Hồ Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006861 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TTC, tỉnh AG.

Anh Hồ Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tr có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Đông là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh AG (01);
- VKSND TX. TC (02);
- Chi cục THADS TX. TC (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương